

TTĐTCL)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2017

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 16/11/17

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của các nhà đầu tư.

2. Đầu tư dự án dầu khí ra nước ngoài theo hình thức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Luật đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

3. Nhà đầu tư tiến hành đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí phải tuân thủ các quy định Luật đầu tư, Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp quy định của Nghị định này khác với quy định của các Nghị định khác về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động dầu khí là hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí, kể cả các hoạt động phục vụ trực tiếp cho các hoạt động này như hoạt động hình thành dự án dầu khí, hoạt động thương mại hóa dầu khí được khai thác từ dự án dầu khí của nhà đầu tư.

2. Hợp đồng dầu khí là văn bản ký kết giữa đại diện chủ sở hữu tài nguyên dầu khí với nhà đầu tư hoặc với các đối tác khác mà sau đó nhà đầu tư tham gia vào hợp đồng dầu khí thông qua hình thức nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia vào hợp đồng dầu khí đó hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật của nước hoặc vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi chung là nước tiếp nhận đầu tư).

3. Người điều hành là pháp nhân được nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật hoặc thống nhất cùng đối tác thành lập hoặc thuê, chỉ định tại nước ngoài hoặc cá nhân được nhà đầu tư tham gia dự án dầu khí chỉ định hoặc thuê để điều hành hoạt động dầu khí tại dự án dầu khí ở nước ngoài theo thỏa thuận giữa các bên và quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư.

4. Công ty điều hành là tổ chức do nhà đầu tư thành lập theo quy định tại Điều 17 của Nghị định này và pháp luật liên quan để chuẩn bị đầu tư, thực hiện hoạt động hình thành dự án hoặc điều hành, triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư hoặc thông lệ dầu khí quốc tế.

5. Vốn đầu tư ra nước ngoài là toàn bộ tiền và tài sản do nhà đầu tư chuyển ra nước ngoài để có quyền tham gia vào dự án hoặc góp vốn vào dự án và các khoản lợi nhuận do nhà đầu tư được chia để lại đầu tư dự án. Các khoản thu hồi vốn (chi phí) nhà đầu tư được nhận và đã chuyển về nước được bù trừ vào tổng vốn đã chuyển ra nước ngoài khi xác định vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư tại mỗi thời điểm.

6. Lợi nhuận của nhà đầu tư là dầu khí lãi sau thuế đối với hợp đồng dầu khí hoặc cổ tức nhà đầu tư được nhận đối với hợp đồng liên doanh, công ty cổ phần hoặc tiền thưởng công sau thuế của nhà đầu tư đối với hợp đồng dịch vụ sau khi trừ các khoản chi phí không được thu hồi từ dự án được phân bổ trong kỳ và các khoản lợi nhuận khác theo quy định của hợp đồng dầu khí (nếu có).

7. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm vào Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp.

8. Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài là cổng thông tin điện tử được sử dụng để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài; đăng tải và cập nhật văn bản pháp luật, chính sách, quy trình, thủ tục và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài có tên miền là dautunucngoai.gov.vn hoặc fdi.gov.vn.

9. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư ra nước ngoài là tập hợp dữ liệu thông tin về dự án đầu tư ra nước ngoài trên phạm vi toàn quốc được lưu trữ, quản lý trong Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài. Thông tin được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư ra nước ngoài là thông tin gốc về dự án đầu tư ra nước ngoài.

10. Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng và vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về đầu tư ra nước ngoài.

11. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đủ thành phần, số lượng, được kê khai đầy đủ theo quy định của Luật đầu tư, Nghị định này và theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

Điều 4. Vốn đầu tư ra nước ngoài

Vốn đầu tư ra nước ngoài thể hiện dưới các hình thức sau:

1. Ngoại tệ trên tài khoản tại tổ chức tín dụng được phép hoặc mua tại tổ chức tín dụng được phép hoặc ngoại hối từ nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đồng Việt Nam phù hợp với pháp luật về quản lý ngoại hối của Việt Nam.

3. Máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hàng hoá thành phẩm, hàng hoá bán thành phẩm.

4. Giá trị quyền sở hữu công nghiệp, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu.

5. Các tài sản hợp pháp khác.

Điều 5. Chuyển ngoại tệ, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài để nghiên cứu thị trường, tìm kiếm cơ hội và chuẩn bị đầu tư

1. Nhà đầu tư được chuyển ngoại tệ từ tài khoản ngoại tệ (chính) của mình, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài để nghiên cứu thị trường, tìm kiếm cơ hội và chuẩn bị đầu tư trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, bao gồm:

- a) Nghiên cứu thị trường và cơ hội đầu tư;
- b) Khảo sát thực địa;
- c) Nghiên cứu tài liệu;
- d) Thu thập và mua tài liệu, thông tin có liên quan đến lựa chọn dự án đầu tư;
- đ) Tổng hợp, đánh giá, thẩm định, kể cả việc lựa chọn và thuê chuyên gia tư vấn để đánh giá, thẩm định dự án;
- e) Chủ trì, tham gia tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học;
- g) Thành lập và hoạt động của các tổ chức theo quy định Điều 17 Nghị định này, hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng liên lạc, chi nhánh, văn phòng điều hành hoặc các hình thức hiện diện khác theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư liên quan đến việc chuẩn bị và hình thành dự án đầu tư;
- h) Tìm hiểu, thu thập thông tin để tham gia mua bán, sáp nhập công ty, đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác, thanh toán chi phí, lệ phí theo yêu cầu của bên bán công ty hoặc theo quy định pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;
- i) Đàm phán hợp đồng đầu tư;
- k) Mua hoặc thuê tài sản hỗ trợ cho việc hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài;
- l) Thanh toán các khoản phí có thời hạn phải thanh toán không dài hơn 60 ngày kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng đầu tư;
- m) Các hoạt động cần thiết khác.

2. Hạn mức chuyển ngoại tệ theo quy định tại khoản 1 Điều này

- a) Hạn mức chuyển ngoại tệ nhỏ hơn hoặc bằng 500.000 (năm trăm nghìn) Đô la Mỹ và được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài;

b) Trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc công ty con của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, việc thực hiện các giao dịch quy định tại khoản này với giá trị lớn hơn 500.000 (năm trăm nghìn) Đô la Mỹ phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c) Đối với các giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 500.000 (năm trăm nghìn) Đô la Mỹ do nhà đầu tư là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện hoặc do nhà đầu tư là công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện thì người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp phải có cam kết bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài đúng mục đích quy định tại khoản 1 Điều này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình;

d) Trường hợp nhà đầu tư không thuộc quy định tại điểm b, điểm c khoản này, việc thực hiện các giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này với giá trị lớn hơn 500.000 (năm trăm nghìn) Đô la Mỹ phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

3. Việc chuyển hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất khẩu, hải quan, công nghệ.

4. Nhà đầu tư được thực hiện các giao dịch trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để tham gia đấu thầu quốc tế hoặc các hình thức bảo đảm khác trước khi tiến hành đàm phán chính thức với đối tác như: Đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác theo yêu cầu của bên mời thầu, nước tiếp nhận đầu tư, với giá trị giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 02 (hai) triệu Đô la Mỹ.

a) Trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc công ty con của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, việc thực hiện các giao dịch quy định tại khoản này với giá trị lớn hơn 02 (hai) triệu Đô la Mỹ phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Đối với các giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 02 (hai) triệu Đô la Mỹ do nhà đầu tư là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện hoặc do nhà đầu tư là công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện thì người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp phải có cam kết bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài đúng mục đích quy định tại khoản này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình;

c) Trường hợp nhà đầu tư không thuộc quy định tại điểm a, b khoản này, việc thực hiện các giao dịch quy định tại khoản này với giá trị lớn hơn 02 (hai) triệu Đô la Mỹ phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận;